TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 -AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **193**/2025/HNGĐ-ST. Ngày: 26/9/2025. V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phạm Hồng Gái.

2/ Ông Vũ Đức Kiểu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Thúy Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 42/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã B, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Trương Việt H**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã B, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị C và anh Trương Việt H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đi đến hôn nhân vào năm 2009. Chị và anh H có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang cũ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/02/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc nhưng sau này thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, mà chủ yếu do hai người bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và không còn tình cảm với nhau nên chị C và anh H thường xuyên cãi nhau và hiện tại chị C và anh H đã sống ly thân với nhau; trong thời gian sống ly thân chị và anh H không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh H không còn nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh Trương Việt H.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống với nhau giữa chị C và anh H có 01 người con chung tên Trương Việt H1, sinh ngày 10/6/2009. Ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Việt H1 cho đến tuổi thành niên. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và nợ chung*: Không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Trương Việt H: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tHồng việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Trương Việt H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trinh giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì các đương sự đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trương Việt H.

Về con chung: Giao cháu Trương Việt H1, sinh ngày 10/6/2009 cho chị Nguyễn Thị C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Trừ trường hợp thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét vì đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Trương Việt H. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Trương Việt H có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang nay là ấp T, xã B, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân".

[2] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trương Việt H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào năm 2009 chị Nguyễn Thị C và anh Trương Việt H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang cũ

và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/02/2009. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Trương Việt H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mặc dù chị và anh H cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Vì vậy hiện nay chị C và anh H đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân chị C không còn tình cảm gì với anh H nữa nên cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó chị C cương quyết ly hôn với anh Trương Việt H.

Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh H các thông báo mở phiên họp, tiếp cận công chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vẫn mặt không có lý do. Điều này cho thấy anh H cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh với chị C. Như vậy, cuộc sống vợ chồng của chị C và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trương Việt H.

[3.2] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị C và anh Trương Việt H 01 người con chung tên Trương Việt H1, sinh ngày 16/6/2009.

Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con của chị Nguyễn Thị C là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; từ khi chị C và anh H sống ly thân với nhau thì cháu H1 đang được chị C nuôi dưỡng và theo nguyện vọng cháu H1 muốn được sống cùng với mẹ. Hơn nữa cháu H1 đang được chị C chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường và để không làm ảnh hưởng đến phát triển về thể chất cũng như tâm sinh lý ở trẻ nên tiếp tục giao cháu H1 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Do đó, HĐXX thống nhất tiếp tục giao cháu Trương Việt H1 cho chị C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị C xác định chị và anh H không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem

xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử miễn xét, trường hợp có phát sinh tHôngnh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227, 228 Điều 273 và Điều 280 BLTTDS năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trương Việt H.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Trương Việt H1, sinh ngày 16/6/2009 cho chị Nguyễn Thị C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Trừ trường hợp thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị C nuôi con; anh H được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0015905 ngày 12/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất,

tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A). Như vậy, chị C không phải nộp thêm, anh H không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Hồng Điệp